



dà shū

大叔

noun · uncle (middle-aged man)

Example Sentences

nà wèi dà shū zài gōng yuán lǐ sǎn bù
那位大叔在公园里散步。

That uncle is taking a walk in the park.

dà shū qǐng wèn zhè tiáo lù zěn me zǒu
大叔，请问这条路怎么走？

Uncle, may I ask how to get to this road?

Trace each character, then write the word on your own.

大	大	大	大	大	大						
叔	叔	叔	叔	叔	叔	叔	叔	叔	叔	叔	叔